Tên đơn vị………

Điện thoại………

**ĐƠN THUỐC**

Họ và tên…………………Tuổi…………Nam/Nữ………………

Địa chỉ………………………………………………………………

Số thẻ bảo hiểm y tế (nếu có)………………………………………

Chẩn đoán………………………………………………………………

Thuốc điều trị:

*Lời dặn:*

|  |  |
| --- | --- |
| *Khám lại xin mang theo đơn này.* | Ngày……tháng……năm……  Bác sỹ/Y sỹ khám bệnh  *(Ký ghi rõ họ tên)* |

1. Bệnh nhân nam, 45 tuổi. Triệu chứng đau ngực, ho, sốt 38oC. Chấn đoán viêm phổi.

**Thuốc điều trị:**

1. Amoxicillin 500mg x 30 viên. Ngày uống 3 viên, sáng 1 viên, trưa 1 viên, tối 1 viên (cách nhau 8h). Uống sau ăn.

2. Clarithromycin 500mg x 20 viên. Ngày uống 2 viên, sáng 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

**Giải thích:**

1. Amoxicillin là kháng sinh thuộc nhóm β-lactam.

2. Clarithromycin là thuốc kháng sinh nhóm macrolid.

1. Bệnh nhân nam, 40 tuổi. Triệu chứng ho khan, đau ngực, sốt 39oC. Chẩn đoán viêm phổi dị ứng với penicilin.

**Thuốc điều trị:**

1. Leyofloxacin 500mg x 10 viên. Ngày uống 1 viên vào buổi sáng. Uống trước ăn.

2. Azithromycin 200mg x 5 viên. Ngày đầu uống 2 viên. Ngày thứ hai đến tư mỗi ngày 1 viên. Uống trước ăn 1h.

**Giải thích:**

1. Leyofloxacin là kháng sinh thuộc thế hệ III nhóm quinolone.

2. Azithromycin là kháng sinh nhóm macrolid bán tổng hợp.

1. Bệnh nhân nam 50 tuổi. Triệu chứng ho khạc đờm xanh, sốt 38oC. Chẩn đoán viêm phổi.

**Thuốc điều trị:**

1. Augmentin 625mg (Amoxicillin 500mg + Acid clavulanic 125mg) x 30 viên. Ngày uống 3 viên, sáng 1 viên, trưa 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

2. Clarithromycin 500mg x 20 viên. Ngày uống 2 viên, sáng 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

3. ACC (Acetylcystein) 0.2g x 30 gói. Ngày uống 3 gói, sáng 1 gói, trưa 1 gói, tối 1 gói. Hòa 50ml nước vừa đủ, uống trước ăn.

**Giải thích:**

1. Augmentin 625mg là thuốc kháng sinh kết hợp amoxicillin và acid clavulanic đều thuộc nhóm β-lactam (nhóm penicillin).

2. ACC là dẫn xuất N-Acetyl của L-cystein, một amino acid tự nhiên.

1. Bệnh nhân nữ 50 tuổi. Triệu chứng đái buốt, đái dắt. Chấn đoán nhiễm khuẩn tiết niệu.

**Thuốc điều trị:**

1. Ciprofloracin (Ciprobay) 500mg x 14 viên. Ngày uống 2 viên, sáng 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

**Giải thích:**

1. Ciproforacin là kháng sinh nhóm fluoroquinolone.

1. Bệnh nhân 14 tháng, nặng 11kg. Triệu chứng ho, họng đỏ, sốt 38.5oC. Chẩn đoán viêm họng.

**Thuốc điều trị:**

1. Zinnat (Cefuroxim) 125mg x 14 lọ. Ngày uống 2 lọ, sáng 1 lọ, tối 1 lọ. Uống sau ăn.

2. Paracetamol (Hapacol) 150mg x 20 gói. Uống khi sốt trên 38.5oC, mỗi lần 1 gói hòa vào 50ml nước.

**Giải thích:**

1. Zinnat là kháng sinh cepha II bán tổng hợp.

2. Paracetamol là thuốc giảm đau, hạ sốt.

1. Bệnh nhân nam 30 tuổi. Triệu chứng đau quặn bụng, mót rặn, đi ngoài nhiều, nhầy máu. Chẩn đoán lỵ trực khuẩn.

**Thuốc điều trị:**

1. Ciprofloracin (Ciprobay) 500mg x 14 viên. Ngày uống 2 viên, sáng 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

2. Eterogemia 5ml x 15 ống. Ngày uống 3 ống chia 3 lần, có thể pha với sữa, nước đường, trà, nước cam.

**Giải thích:**

1. Eterogemia là men tiêu hóa.

1. Bệnh nhân nam 20 tuổi. Triệu chứng đau vùng thượng vị, âm ỉ, đau trước ăn, ợ hơi, ợ chua, HP dương tính. Chẩn đoán loét dạ dày tá tràng.

**Thuốc điều trị:**

1. Amoxicillin 500mg x 14 viên. Ngày uống 2 viên, sáng 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

2. Clarithromycin 500mg x 14 viên. Ngày uống 2 viên, sáng 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

3. Omeprazol 20mg x 7 viên. Ngày uống 1 viên trước bữa ăn khoảng 30 phút.

4. Maalox (Al(OH)3/Mg(OH)2) 800mg x 30 viên. Ngày dùng tối đa 6 lần, mỗi lần 1 viên, nhai kĩ rồi mới nuốt, dùng khi đau hoặc 1h sau bữa ăn.

**Giải thích:**

1. Omeprazol là thuốc ức chế bơm proton (PPI).

2. Maalox là thuốc kháng acid dạ dày (antacid).

1. Bệnh nhân nam 55 tuổi. Triệu chứng đa sưng khớp cổ bàn chân trái. Chấn đoán Gout cấp.

**Thuốc điều trị:**

1. Colchicin 1mg x 9 viên. Ngày thứ nhất uống 3 viên, sáng 1 viên, trưa 1 viên, tối 1 viên. Ngày thứ hai và ba mỗi ngày 2 viên, sáng 1 viên, tối 1 viên. Ngày thứ tư trở đi mỗi ngày 1 viên buổi sáng. Uống sau ăn.

2. Celebrex (Celecoxib) 200mg x 10 viên. Ngày uống 2 viên, sáng 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

**Giải thích:**

1. Colchicin là thuốc chống viêm điều trị gout.

2. Celebrex (Celecoxib) là thuốc NSAIDs loại ức chế chọn lọc COX-2.

1. Bệnh nhân nữ 54 tuổi. Triệu chứng sốt kéo dài, gầy sút cân, hạch nổi to sau cơ ức đòn chũm. Chẩn đoán lao hạch đang điều trị.

**Thuốc điều trị:**

1. Streptomycin 1g x 7 lọ. Ngày dùng 1 lọ, pha với nước cất để tiêm bắp sâu.

2. Rimactarid (Rifampicin/Isoniazid) 100/150mg x 21 viên. Ngày dùng 3 viên, sáng 1 viên, trưa 1 viên, tối 1 viên. Uống trước ăn 30 phút.

3. Pyrazinamid 500mg x 21 viên. Ngày dùng 3 viên, sáng 1 viên, trưa 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

4. Ethambutol 400mg x 21 viên. Ngày dùng 3 viên, sáng 1 viên, trưa 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

5. Fortec 25mg x 21 viên. Ngày dùng 3 viên, sáng 1 viên, trưa 1 viên, tối 1 viên. Uống sau ăn.

**Giải thích:**

1. Streptomycin là kháng sinh thuộc nhóm aminosid.

2. Rimactarid là thuốc diệt trực khuẩn lao, phong, vi khuẩn gram âm, trực khuẩn mủ xanh, HI, não mô cầu.

3. Pyrazinamid là thuốc điều trị lao.

4. Ethambutol là thuốc kìm khuẩn lao.

5. Fortec là thuốc ức chế hủy hoại tế bào gan, cải thiện chức năng gan, bảo vệ gan.

1. Bệnh nhân nam 60 tuổi. Triệu chứng đau khớp, hạt tophi, acid uric 700mmol/l. Chẩn đoán Gout mạn.

**Thuốc điều trị:**

1. Colchicin 1mg x 7 viên. Ngày uống 1 viên vào buổi sáng.

2. Allopurinol 300mg x 7 viên. Ngày uống 1 viên vào buổi tối. Uống sau ưn.

**Giải thích:**

1. Allopurinol là thuốc ức chế hình thành acid uric, giảm acid uric máu, tăng bài xuất các tiền chất acid uric qua nước tiểu.

1. Bệnh nhân nữ 24 tuổi. Triệu chứng mụn nước, ngứa, bong da. Chẩn đoán viêm da cơ địa.

**Thuốc điều trị:**

1. Telfast (Fexofenadin) 180mg x 7 viên. Mỗi ngày 1 viên. Uống buổi sáng sau ăn.

2. Dermovat 5g x 1 ống. Bôi 1 lớp mỏng trên bề mặt da bị bệnh 1 lần/ngày.

**Giải thích:**

1. Telfast là thuốc kháng histamin H1 thế hệ II.

2. Dermovat là thuốc glucocorticoid chống viêm, chống dị ứng và ức chế miễn dịch.